

Bản án số: 807/2020/HS-PT

Ngày: 23 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh;
Ông Hoàng Minh Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 418/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Đặng Văn T; do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2020/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo:

Đặng Văn T, sinh ngày 05/9/1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: tổ 7, ấp Đ, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Tr (chết) và bà Nguyễn Thị S (chết); Bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2018. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Đình T - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- Bị hại:

1/. Bà Châu Tuyết Ph (vắng mặt)

Thường trú: đường Ng, Phường 4, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: đường Ng, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ông Ngô Văn B (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tr, phường T2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

1/. Ông Lê Phê Th (có mặt)

Địa chỉ: phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Văn phòng công chứng C

Địa chỉ: đường V, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến L – Trưởng Văn phòng.
(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Văn phòng công chứng C:
Luật sư Đào Quang D – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Trong vụ án còn có 21 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2016 và năm 2017, Đặng Văn T cùng Ngô Thị Y và các đối tượng khác đã nhiều lần đóng giả chủ sở hữu nhà và đất không thuộc sở hữu của mình để ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng hoặc ủy quyền để chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ông Lê Phê Th và vợ là bà Trần Thị M là chủ sở hữu thửa đất số 1304, diện tích 148,9m², tờ bản đồ số 17 (Bản đồ địa chính 2004), phường Th, Quận 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CC 789151 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 14/01/2016. Khoảng đầu tháng 11/2016, ông Th đăng bán thửa đất này trên báo Mua Bán thì có một người đàn ông tên Đ (không rõ lai lịch) đến gặp ông Th hỏi mua đất và xin các bản phô tô GCNQSDĐ và các giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông Th, bà M. Vài ngày sau, Đ đi cùng 01 người phụ nữ, giới thiệu là cô ruột đến nhà gặp ông Th yêu cầu được xem bản chính GCNQSDĐ, giấy phép xây dựng và các giấy tờ liên quan. Lợi dụng ông Th sơ hở, Đ đã tráo bản chính GCNQSDĐ của ông Th đưa ra mà ông Th không biết. Sau đó, Đ viện lý do không mua và cắt đứt liên lạc.

Đến ngày 04/12/2016, có người tên H (chưa rõ lai lịch) cầm theo bản phô tô GCNQSDĐ của thửa đất này nhưng đã cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Thanh S đến hỏi ông Th thông tin về thửa đất. Ông Th nghi ngờ nên cầm GCNQSDĐ của mình đang giữ đi đến Ủy ban nhân dân Quận 2 kiểm tra thì

được biết thửa đất của ông đã bị chuyển nhượng cho ông S, còn GCNQSDĐ ông mang đến là giả.

Ngày 05/12/2016, ông Th đến Công an phường Th, Quận 2 tố giác việc bị tráo GCNQSDĐ và hiện có một nhóm người đang thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất của ông tại Ngân hàng A - Phòng giao dịch số 6, địa chỉ đường Ng, phường Th, Quận 2. Công an phường Th đã đến Ngân hàng A phát hiện nhóm 04 người môi giới bên bán đất gồm: Nguyễn Thanh T, Bùi Minh L, Lê Minh H, Nguyễn Thị Thiên K đang gặp Huỳnh Chí T1 (là người môi giới bên mua đất) bàn việc đặt cọc chuyển nhượng thửa đất của ông Th. Công an phường mời nhóm người này về trụ sở làm việc và chuyển tố giác về tội phạm đến Công an Quận 2 giải quyết. Ngày 14/12/2016, Công an Quận 2 bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng giữa tháng 11/2016, Nguyễn Thanh T, Phan Công Th, Âu Chí M và Nguyễn Tân Q làm nghề “cò đất” tại khu vực Quận 8 được đối tượng tên Ph (chưa rõ lai lịch, là người giữ bộ hồ sơ bản chính giấy CNQSDĐ của ông Th) giao cho việc chào bán thửa đất. T, Th và M đã môi giới cho bà Châu Tuyết Ph mua thửa đất này với giá 03 (ba) tỷ đồng. Bà Ph đồng ý mua và thỏa thuận sẽ trả trước 1,5 tỷ đồng, khi nào đăng bộ sang tên xong, bà Ph sẽ thế chấp vay tiền ngân hàng hoặc nếu có người mua thì bà Ph sẽ bán thửa đất này để trả số tiền còn lại. Do bà Ph bị nợ xấu ngân hàng, không vay tiền được nên đã nhờ Th tìm người đứng tên mua đất. Th thuê ông Trần Thanh S đứng tên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nói trên với tiền công là 40.000.000 đồng.

Ngày 18/11/2016, Th và M hẹn và chỉ đường cho S đi cùng vợ là L1 Thị Ánh Ng đi đến ấp 1, xã B, huyện B1 để ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại đây đã có Đặng Văn T đóng giả ông Th và một người phụ nữ (chưa rõ lai lịch) đóng giả bà Trần Thị M là vợ ông Th đang ngồi chờ. Một lúc sau, Công chứng viên Phạm Thị Minh A thuộc Văn phòng Công chứng T được người của Ph đưa đến. Bà Minh A tiến hành cho Đặng Văn T và người phụ nữ đóng giả bà M cùng với S ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó, bà Minh A đi cùng người của Ph quay về Văn phòng công chứng để đóng dấu, lấy số và phát hành hợp đồng (Hợp đồng số 14460). Khi ký hợp đồng công chứng thì không có mặt Th tại địa điểm ký hợp đồng, nhưng đến khi công chứng xong, S và Ng đi về nhà thì Th đến gặp S và Th đưa trước cho S số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 25/11/2016, bà Ph gặp Nguyễn Thanh T1 thỏa thuận vay của T1 số tiền 1,5 tỷ đồng để trả tiền mua đất. Để đảm bảo, cùng ngày, S ký Giấy ủy quyền số 29136 và Hợp đồng ủy quyền số 29135 tại Văn phòng Công chứng S (Công chứng viên Nguyễn Duy Cường) cho T1 làm thủ tục đăng bộ sang tên và toàn quyền định đoạt đối với thửa đất mà S nhận chuyển nhượng. Đồng thời, ông T1 cũng được bà Ph giao toàn bộ hồ sơ bản chính của thửa đất cho T1 giữ. Sau khi ký xong hợp đồng, T1 giao cho bà Ph số tiền 1,5 tỷ đồng (S ký giấy nhận tiền

của T1). Sau đó, bà Ph giao số tiền trên cho Th để thanh toán trước số tiền 1,5 tỷ cho bên bán như thỏa thuận. Th khai đã giao số tiền này cho Q theo yêu cầu của Minh.

Sau đó, bà Ph rao bán thửa đất này với giá 4,5 tỷ đồng. T tiếp tục làm môi giới giữa Ph và Bùi Minh L rồi L làm môi giới cho Lê Minh H. Sau đó, H môi giới cho Nguyễn Thị Thiên K để rao bán thửa đất này. Ngày 05/12/2016, Kim, H, T và L đến Ngân hàng A - Phòng giao dịch số 6 để gặp Huỳnh Chí T1 thì bị Công an phường Th mời về trụ sở làm việc.

Tại Bản kết luận giám định số 448/KLGD-TT ngày 12/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- + Giấy CNQSDĐ do ông Th cung cấp là giả.
- + Giấy CNQSDĐ do ông T1 cung cấp là thật.
- + Chữ ký ghi tên “Lê Phê Th” và “Trần Thị M” trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số N 014460 gửi giám định so với chữ ký của ông Lê Phê Th và bà Trần Thị M không do cùng một người ký ra.
- + Chữ viết có nội dung “Chúng tôi đã đọc và đồng ý” và chữ viết họ tên “Lê Phê Th”, “Trần Thị M” trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số N 014460 gửi giám định so với chữ viết của ông Lê Phê Th và bà Trần Thị M không do cùng một người viết ra.
- + Dấu vân tay mang tên Lê Phê Th, Trần Thị M trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số N° 014460 gửi giám định so với dấu vân tay của ông Lê Phê Th và bà Trần Thị M không do cùng một người in ra. Tại Bản kết luận giám định số 817/KLGD-TT ngày 18/6/2017 và số 653/KLGD-TT ngày 14/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: dấu vân tay của người mang tên Lê Phê Th trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số N° 014460 ngày 18/11/2016 của Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt trùng với dấu vân tay ngón “trỏ trái” và ngón “trỏ phải” của Đặng Văn T (sinh năm 1959, nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện C).

Vụ thứ hai: Ngày 09/02/2017, ông Trương Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59Y1-604.21 đến tiệm chụp ảnh C, đường Ng1, phường B2, quận B1. ông C dựng xe mô tô ở lề đường đi vào trong tiệm chụp ảnh thì bị kẻ gian lấy trộm mất xe, trong cốp xe có các giấy tờ bản chính sau:

- + GCNQSDĐ số CC776164, sổ vào sổ CS 17866 ngày 25/01/2016 đối với thửa đất số 46, diện tích 2.681,8m², tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1.
- + GCNQSDĐ số U372697, sổ vào sổ 03586 QSDĐ/11A ngày 14/03/2002 đối với thửa đất số 1040, diện tích 2.804m², tờ bản đồ số 13, xã V, huyện B1.
- + GCNQSDĐ số AG242663, sổ vào sổ H01412 ngày 15/11/2006 đối với thửa đất số 402, diện tích 154,9m², tờ bản đồ số 10, phường B2, quận B1.
- + GCNQSDĐ số VI90279, sổ vào sổ 79 QSDĐ/ ngày 08/4/2002 đối với

thửa đất số 46, diện tích 585m², tờ bản đồ số 60, xã A, huyện C.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BY567695, sổ vào sổ CH02812 ngày 25/02/2015 đối với căn hộ số 1.03 Cao ốc V và Căn hộ T, diện tích 61,7m², phường Tr, Quận 12.

(Năm giấy tờ nhà đất trên do ông Trương Văn C đứng tên chủ sở hữu)

+ Sổ hộ khẩu số 31240001035 do Công an quận B1 cấp ngày 14/10/2012 mang tên hộ ông Trương Văn C.

+ Giấy đăng ký xe xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59Y1-604.21 do Trương Thị Tuyết M (con gái ông C) đứng tên.

Ngày 21/3/2017, ông C đến Công an phường B2, quận B1 tố giác việc bị mất trộm xe mô tô và các giấy tờ nêu trên. Công an phường B2 tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B1 giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 10/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B1 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản” điều tra làm rõ. Đến ngày 10/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B1 ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án do hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được đối tượng gây án.

Ngày 14/4/2017, ông Trương Văn C nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận B1 đề nghị cấp lại GCNQSDĐ số CC776164 đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1. Trong thời gian giải quyết hồ sơ theo yêu cầu của ông C, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận B1 nhận được hồ sơ ông Trần Anh T đề nghị cập nhật biến động đối với GCNQSDĐ số CC776164 nhận chuyển nhượng đất của ông Trương Văn C. Ngày 30/5/2017, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận B1 đã cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Anh T và phát hành GCNQSDĐ đã cập nhật biến động cho ông Tuấn.

Ngày 10/8/2017, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận B1 có Công văn số 2740 chuyển tin báo về tội phạm đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B1 giải quyết.

Ngày 09/2/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B1 chuyển nguồn tin về tội phạm của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận B1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định:

- Đối với thửa đất số 46, diện tích 2.681,8m², tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1: Khoảng đầu tháng 03/2017, Ngô Thị Y liên lạc với ông Huỳnh Văn D để chào bán hoặc cầm cố để vay tiền đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1 của ông Trương Văn C. Ông D đồng ý cho vay số tiền 1,5 tỷ đồng, giả cách bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 08/3/2017, Y đi cùng T đóng giả ông C đến Văn phòng công chứng Quận 8, địa

chỉ: Phường 5, Quận 8 để T giả mạo ông C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Ph1 là em gái ông D (Hợp đồng chuyển nhượng số 002256 do Công chứng viên Nguyễn Đình M chứng thực). Khoảng 01 tuần sau, Y cùng với T hẹn gặp ông D để bàn việc chuyển nhượng thửa đất, Y đề nghị ông D đưa thêm số tiền 1,5 tỷ đồng nhưng do ông D và bà Ph1 nghi ngờ T không phải là ông C chủ đất nên không đồng ý đưa thêm tiền mà đòi thanh lý hợp đồng.

Thông qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Hoàng L1 và bà Trần Thị T, ngày 28/3/2017, Y và T hẹn gặp bà Nguyễn Thị H tại quán cà phê Phường 12, Quận 10 để thỏa thuận mua bán đất. Y giới thiệu là “vợ nhỏ” của ông C chủ đất do T đóng giả để đàm phán với bà H. Đồng thời, Y và T hẹn ông D và bà Ph1 mang bản chính GCNQSDĐ đến quán cà phê câu lạc bộ L để bà H xem. Bà H đồng ý mua thửa đất này với số tiền 03 tỷ đồng. Ngay sau đó, bà Ph1 và ông T liên hệ với Công chứng viên Nguyễn Đình M thuộc Văn phòng công chứng Quận 8 đến quán cà phê câu lạc bộ L để công chứng hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất (Hợp đồng chuyển nhượng số 003070) do T đóng giả ông C ký.

Sau đó, T và Y thỏa thuận với bà H là sẽ tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao tiền tại Phường 12, Quận 6 là quán cà phê của bà Bành Thị H1. Bà H liên hệ với Công chứng viên Nguyễn Tiến L thuộc Văn phòng công chứng C hẹn công chứng ngoài trụ sở.

Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, L1 chạy xe ô tô chở T và Nguyễn Thế H1 chạy xe máy chở Y đến quán cà phê của bà H1 gặp bà H để ký hợp đồng chuyển nhượng đất. Tại đây, có ông D, bà Ph1 mang GCNQSDĐ đến để chờ bàn giao và nhận tiền. Bà H nhờ ông Võ Văn H2 (em trai bà H) và Lê Thanh Ph2 mang số tiền 03 tỷ đồng đến, để trên bàn trước mặt T và Y. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Công chứng viên L đến tiến hành cho T (giả mạo ông C) ký vào hợp đồng bên chuyển nhượng. Sau khi ký hợp đồng xong, T than mệt đi ra xe ô tô của L1 ngồi nghỉ. Bà H giao số tiền 03 tỷ đồng cho Y nhận. Trong khi Y nhận tiền thì ông Võ Văn H2 đi ra gặp T đưa tờ giấy cho T viết giấy nhận tiền. Y lấy số tiền 1.550.000.000 đồng giao cho ông D và bà Ph1 nhận, số tiền còn lại Y cất vào túi xách mang ra xe ô tô đi cùng T. Công chứng viên L đưa hợp đồng chuyển nhượng về Văn phòng công chứng. Bà H nhờ ông Trần Anh T đến Văn phòng công chứng ký bên nhận chuyển nhượng (Hợp đồng số 004967). Ngày hôm sau, bà H hẹn Y đến quán cà phê câu lạc bộ L yêu cầu Y viết giấy xác nhận T đã nhận số tiền 03 tỷ đồng. Ông Trần Anh T tiến hành làm thủ tục đăng bộ sang tên đến ngày 30/5/2017 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B1 cập nhật biến động sang tên.

- Đối với thửa đất số 1040, diện tích 2.804m², tờ bản đồ số 13, xã V, huyện B1: Ngày 17/4/2017, Y đi cùng một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) đóng giả ông Trương Văn C là chủ thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 13, xã V, huyện B1 (Giấy CNQSDĐ số 03586 QSDĐ/11A do UBND huyện B1 cấp ngày 14/3/2002) đến gặp Công chứng viên Nguyễn Vĩnh Ph, Văn phòng Công chứng

Quận 12 ký Hợp đồng ủy quyền số 07645 đối với thửa đất nêu trên của ông C. Y được toàn quyền định đoạt đối với thửa đất của ông C.

Ngày 25/4/2017, bà Y đại diện theo ủy quyền của ông C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 13, xã V, huyện B1 của ông C cho ông Ngô Văn B tại Văn phòng Công chứng Lê Văn N do Công chứng viên Trần Thị Thúy H chứng thực (Hợp đồng số 003691). Ông B đã tiến hành làm thủ tục đăng bộ sang tên đến ngày 23/5/2017 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B1 cập nhật biến động sang tên. Sau đó, ông B đã không còn cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay ông B vẫn chưa đến làm việc nên chưa lấy lời khai làm rõ được.

Ngày 01/6/2017, Y tiếp tục thỏa thuận bán thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 13, xã V, huyện B1 của ông C cho bà H với giá 03 tỷ đồng. Hai bên lập hợp đồng đặt cọc, Y nhận của bà H số tiền 01 tỷ đồng.

Ngày 02/6/2017, Y khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1040 đã ký với ông B. Đến ngày 10/10/2017, Y làm đơn xin rút đơn khởi kiện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh đối tượng theo dấu vân tay để xác định người đóng giả ông C trên hợp đồng ủy quyền số 07645 tại Cục Hồ sơ và Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an nhưng đến nay vẫn chưa xác định được lai lịch của người này.

- Đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 10, phường B2, quận B1; thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, xã A, huyện C và căn hộ số 1.03 Cao ốc Văn phòng và Căn hộ T, phường Tr, Quận 12: Ngày 20/4/2017, Y và một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) đóng giả ông Trương Văn C ký hợp đồng vay tiền (Hợp đồng không công chứng) với nội dung người đóng giả ông C vay của Y số tiền 850.000.000 đồng. Người đàn ông đóng giả ông C thế chấp cho bà Y các giấy tờ sau:

+ GCNQSDĐ số V190279 số vào sổ 79 QSDĐ/ ngày 08/4/2002 đối với thửa đất số 46, diện tích 585 m², tờ bản đồ số 60, xã A, huyện C;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BY567695, số vào sổ CH02812 ngày 25/02/2015 đối với căn hộ số 1.03 Cao ốc Văn phòng và Căn hộ T, diện tích 61,7m², phường Tr, Quận 12.

+ GCNQSDĐ số AG242663 số vào sổ H01412 ngày 15/11/2006 đối với thửa đất số 402, diện tích 154,9m², tờ bản đồ số 10, phường B2, quận B1.

+ Sổ hộ khẩu số 31240001035 cấp ngày 14/10/2012 do Trương Văn C làm chủ hộ.

+ Giấy chứng minh nhân dân số 021170022 cấp ngày 26/7/2005 của ông Trương Văn C.

Ngày 20/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã lấy lời khai Ngô Thị Y, kết quả như sau: Thông qua bà H1 và Th2 (chưa rõ lai lịch) giới thiệu, Y nhận môi giới nhà đất cho ông Trương Văn C mà

không biết đây là do Đặng Văn T đóng giả. Y đã môi giới cho ông tên C thế chấp giấy tờ đất thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1 để vay tiền của bà Ph1 và ông D, giả cách bằng hợp đồng chuyển nhượng đất. Sau đó, tiếp tục môi giới cho ông tên C bán thửa đất này cho bà H. Đồng thời, Y mua của ông tên C thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 13, xã V, huyện B1 với giá 03 tỷ đồng, giả cách bằng hợp đồng ủy quyền. Sau đó, Y cho ông tên C vay số tiền 850.000.000 đồng, nhận thế chấp bằng 03 giấy tờ nhà đất còn lại của ông C. Y khai đã trả lại 03 giấy tờ nhà đất cho ông tên C chỉ còn giữ Hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của ông tên C nhưng sau đó giao cho bà H giữ. Sau khi cung cấp lời khai, Y không còn cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ.

Tại Bản kết luận giám định số 529/KLGD-TT ngày 21/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- + Không đủ cơ sở để kết luận giám định chữ ký ghi tên Trương Văn C trên Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số công chứng 004967 ngày 28/3/2017 tại Văn phòng Công chứng C đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1.

- + Chữ viết ghi tên Trương Văn C trên Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số công chứng 004967 ngày 28/3/2017 tại Văn phòng Công chứng C đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1 so với chữ viết của ông Trương Văn C là không do cùng một người viết ra.

- + Hai vân tay ghi tên Trương Văn C trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 004967 ngày 28/3/2017 tại Văn phòng Công chứng C đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1 không trùng giống so với hai dấu vân tay của ông Trương Văn C.

Tại Bản Kết luận giám định số 935/KLGD-TT ngày 04/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Dấu vân tay của người mang tên Trương Văn C trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 004967 ngày 28/3/2017 tại Văn phòng Công chứng C trùng với dấu vân tay của Đặng Văn T (sinh năm 1959, nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện C).

Tại Bản kết luận giám định số 464/KLGD-TT ngày 05/4/2109 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- + Chữ viết họ tên Trương Văn C trên hai tài liệu giám định ký hiệu A1, A2 (Hợp đồng số 002256 ngày 08/3/2017 và số 003070 ngày 28/3/2017 của Văn phòng Công chứng Quận 8) so với chữ viết của Đặng Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh hiệu M6 đến M12 (các biên bản ghi lời khai và tự khai của Đặng Văn T) do cùng 01 người viết ra;

- + Chữ viết họ tên Trương Văn C trên hai tài liệu giám định ký hiệu A3 (Hợp đồng số 07645 ngày 07/4/2017 của Văn phòng Công chứng Quận 12) so với chữ viết của Đặng Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 đến M12 không phải do cùng 01 người viết ra;

- + Dấu vân tay có chữ ký, chữ viết họ tên Trương Văn C trên 02 tài liệu

cần giám định ký hiệu A1, A2 so với dấu vân tay ngón trỏ phải và trỏ trái của Đặng Văn T trên các tài liệu so sánh ký hiệu M1 đến M5 (Danh chi bản, tờ khai CMND của Đặng Văn T) là dấu vân tay của cùng 01 người;

+ Dấu vân tay có chữ ký, chữ viết họ tên Trương Văn C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (Hợp đồng số 07645 ngày 17/4/2017 của Văn phòng Công chứng Quận 12) không đồng nhất với dấu vân tay của Đặng Văn T trên các tài liệu so sánh ký hiệu M1 đến M5.

Tại Bản kết luận giám định số 1117/KLGD-TT ngày 18/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC776164 đứng tên Trương Văn C là thật;

+ Sổ hộ khẩu số 31240001305 tên chủ hộ Trương Văn C là thật;

+ Bản in mặt sau hình dấu tròn, dấu chữ ký và dấu tên trên Chứng minh nhân dân số 021170022 mang tên Trương Văn C là thật; bản in mặt trước Chứng minh nhân dân số 021170022 mang tên Trương Văn C được làm giả bằng phương pháp in phun màu;

+ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 133 ngày 24/03/2017 do Ủy ban nhân dân phường B2, quận B1 cấp được làm giả hình dấu của Ủy ban nhân dân phường B2 và chữ ký của bà Đinh Thị L Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

+ Chữ viết trên hợp đồng mua bán đất đề ngày 27/3/2017 so với chữ viết của Đặng Văn T trên mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra;

+ Chữ viết họ tên Ngô Thị Y trên Hợp đồng ủy quyền số 07645 ngày 17/4/2017, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 003691 ngày 25/4/2017, Giấy nhận tiền đề ngày 25/4/2017, Hợp đồng đặt cọc bán nhà đề ngày 01/6/2017 so với chữ viết của Ngô Thị Y trên các tài liệu so sánh do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký mang tên Ngô Thị Y trên Hợp đồng ủy quyền số 07645 ngày 17/4/2017, Hợp đồng đặt cọc bán nhà đề ngày 01/6/2017, Giấy nhận tiền ngày 28/3/2017 so với chữ ký của Ngô Thị Y trên tài liệu so sánh do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Ngô Thị Y trên các tài liệu Giấy nhận tiền đề ngày 10/3/2017, Giấy nhận tiền đề ngày 25/4/2017, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 003691 ngày 25/4/2017 so với chữ ký của Ngô Thị Y trên mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không;

+ Dấu vân tay trên Hợp đồng ủy quyền số 07645 ngày 17/4/2017, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 003691 ngày 25/4/2017, Hợp đồng đặt cọc bán nhà đề ngày 01/6/2017 so với dấu vân tay của Ngô Thị Y trên tài liệu so sánh là dấu vân tay của cùng một người;

+ Dấu vân tay trên Giấy nhận tiền ngày 28/3/2017 không đủ yếu tố giám định;

+ Dấu vân tay trên Chứng minh nhân dân số 021170022 mang tên Trương Văn C so với dấu vân tay của Đặng Văn T trên tài liệu so sánh là dấu vân tay của cùng một người.

Ngày 27/12/2018, Đặng Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt tạm giam.

Đối với Ngô Thị Y hiện nay đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đi đâu không rõ nên ngày 16/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định truy nã đối với Ngô Thị Y.

Ngày 16/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định tách vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” do Ngô Thị Y và các đối tượng chưa rõ lai lịch còn lại thực hiện để điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2020/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2018.

Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 17, Điều 33, Điều 38, Điều 55 Luật Công chứng năm 2014; Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 132, Điều 288, Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Hủy bỏ các Hợp đồng công chứng vô hiệu do trái pháp luật, sau:

1/. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số N° 014460 ngày 18/11/2016 của Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Giấy ủy quyền SC 29136 và Hợp đồng ủy quyền số 29135 tại Văn phòng Công chứng S ký giữa ông Trần Thanh S và ông Nguyễn Thanh T1.

3/. Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số công chứng 004967 ngày 28/3/2017 tại Văn phòng Công chứng C ký giữa ông Trương Văn C và ông Trần Anh T.

4/. Hợp đồng ủy quyền số 07645 ngày 17/4/2017 của Văn phòng Công chứng Quận 12 ký giữa ông Trương Văn C và bà Ngô Thị Y.

5/. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 003691 ngày 25/4/2017 của Văn phòng Công chứng Lê Văn N giữa Ngô Thị Y và Ngô Văn B.

Buộc bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. (Số tiền buộc

bị cáo T phải bồi thường này có thể sẽ được tính toán lại khi có đủ căn cứ xác định được hành vi phạm tội của các đối tượng có hành vi liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn T trong vụ án này). Trường hợp bị cáo không có khả năng bồi thường số tiền này thì Văn phòng công chứng C có nghĩa vụ bồi thường thay cho bị cáo toàn bộ hoặc phần nghĩa vụ còn lại ngay sau khi có chứng từ xác thực về khả năng thanh toán của bị cáo Đặng Văn T.

Văn phòng công chứng C có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với bị cáo trong một vụ án dân sự khác để yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho mình số tiền mà Văn phòng công chứng C đã bồi thường thay cho các bị cáo theo bản án này.

Việc bồi thường cho bà Châu Tuyết Ph (nếu có) sẽ giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/7/2020, bị cáo Đặng Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/8/2020, Văn phòng công chứng C có đơn kháng cáo phân trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm; ông Lê Phê Th có đơn kháng cáo yêu cầu buộc Văn phòng công chứng T bồi thường cho ông chi phí thuê Luật sư để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Phê Th, Văn phòng công chứng C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo Đặng Văn T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, mức án thỏa đáng; tại phiên tòa bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Xét kháng cáo của ông Lê Phê Th, việc ông Th thuê Luật sư để làm lại thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không liên quan đến hoạt động điều tra, xét xử vụ án hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với kháng cáo của Văn phòng công chứng C, việc công chứng thực hiện không đúng quy định pháp luật nên Văn phòng công chứng C phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả xảy ra. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn T trình bày: Ngoài bị cáo T thì trong vụ án còn có sự tham gia của bị cáo Ngô Thị Y và một số đối tượng khác nên cần phải hủy bản án để điều tra, xét xử lại tránh bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo sức khỏe yếu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Văn phòng công chứng C trình bày: Quá trình công chứng, các bên tham gia giao dịch đã cam đoan thực

hiện giao dịch đúng quy định pháp luật; Luật công chứng không quy định công chứng viên phải xác minh, giám định khi công chứng. Việc công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không buộc Văn phòng công chứng C phải liên đới cùng bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho người bị hại.

Ông Lê Phê Th yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc Văn phòng công chứng T bồi thường cho ông chi phí thuê Luật sư để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T, ông Lê Phê Th, Văn phòng công chứng C làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Trong thời gian từ năm 2006 đến 2007, Đặng Văn T cùng với Ngô Thị Y và một số đối tượng khác đã tráo đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật cấp cho ông Lê Phê Th, bà Trần Thị M đối với thửa đất số 1304, diện tích 148,9m², tờ bản đồ số 17, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ngày 18/11/2016, Đặng Văn T đóng giả ông Lê Phê Th và nhờ một người phụ nữ khác đóng giả bà Trần Thị M thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh S (đứng tên giùm bà Châu Tuyết Ph) với giá 03 tỷ đồng, chiếm đoạt của bà Châu Tuyết Ph 1,5 tỷ đồng.

Ngoài ra, Đặng Văn T, Ngô Thị Y sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, sổ hộ khẩu bị mất của ông Trương Văn C, lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 46, diện tích 2.681,8m², tờ bản đồ số 60, phường B2, quận B1 với bà Huỳnh Thị Ph1 để vay số tiền 1,5 tỷ đồng. Ngày 28/3/2017, bị cáo T và bà Ph1 ký văn bản hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng, cùng ngày bị cáo T và bà Nguyễn Thị H (nhờ ông Trần Anh T đứng tên giùm) ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 46 trên với giá 03 tỷ đồng, được Văn phòng công chứng C chứng thực. Sau khi nhận số tiền 03 tỷ đồng từ bà H, Y lấy 1.550.000.000 đồng trả cho khoản vay của bà Ph1 trước đó; số tiền còn lại bị cáo T và Y sử dụng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự xã hội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và

phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn tinh vi, có sự sắp xếp, phân công chặt chẽ với Ngô Thị Y và các đối tượng khác, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, chiếm đoạt số tiền 4,5 tỷ đồng của các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 16 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bỏ lọt tội phạm đối với Ngô Thị Y và một số đối tượng khác. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn T đã được các cơ quan tố tụng chứng minh, làm rõ. Đối với Ngô Thị Y hiện đã bỏ trốn và các đối tượng khác chưa xác minh được nhân thân, lai lịch, cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp, không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn T trong vụ án này. Do đó, kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của Văn phòng công chứng C:

Việc Văn phòng công chứng C chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 004967 ngày 28/3/2017 được thực hiện ngoài trụ sở Văn phòng, người đứng tên nhận chuyển nhượng không có mặt để ký vào hợp đồng chuyển nhượng mà được công chứng viên hợp thức hóa sau, công chứng viên không tiến hành xác minh kiểm tra giấy tờ tùy thân của ông Trương Văn C với bị cáo Đặng Văn T khi thực hiện thủ tục công chứng. Việc công chứng, chứng thực giao dịch như trên là không đúng quy định pháp luật, tuy nhiên Văn phòng công chứng C không trực tiếp nhận tiền từ bị hại; không đủ cơ sở chứng minh Văn phòng công chứng C có hành vi giúp sức cho Đặng Văn T chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Văn phòng công chứng C thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H trong trường hợp bị cáo Đặng Văn T không có khả năng bồi thường là không có căn cứ.

Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, không buộc Văn phòng công chứng C phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000.000 đồng.

[5] Xét kháng cáo của ông Lê Phê Th:

Ông Lê Phê Th kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc Văn phòng công chứng T bồi thường cho ông chi phí thuê Luật sư để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, yêu cầu này của ông Th không liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự. Trường hợp ông Th thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện Văn phòng công chứng T để yêu cầu bồi thường bằng vụ án dân sự khác.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T, ông Lê Phê Th không có căn cứ chấp nhận; có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Văn phòng công chứng C; sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự liên quan đến Văn phòng công chứng C.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Đặng Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; ông Lê Phê Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Văn phòng công chứng C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phê Th; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng C; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2020/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 132, Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Hủy bỏ các Hợp đồng công chứng vô hiệu do trái pháp luật, sau:

1/. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số N° 014460 ngày 18/11/2016 của Văn phòng Công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Giấy ủy quyền SC 29136 và Hợp đồng ủy quyền số 29135 tại Văn phòng Công chứng S ký giữa ông Trần Thanh S và ông Nguyễn Thanh T1.

3/. Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số công chứng 004967 ngày 28/3/2017 tại Văn phòng Công chứng C ký giữa ông Trương Văn C và ông Trần Anh T.

4/. Hợp đồng ủy quyền số 07645 ngày 17/4/2017 của Văn phòng Công chứng Quận 12 ký giữa ông Trương Văn C và bà Ngô Thị Y.

5/. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 003691 ngày 25/4/2017 của Văn phòng Công chứng Lê Văn N giữa Ngô Thị Y và Ngô Văn B.

Buộc bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền

3.000.000.000 (ba tỷ) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. (Số tiền buộc bị cáo T phải bồi thường này có thể sẽ được tính toán lại khi có đủ căn cứ xác định được hành vi phạm tội của các đối tượng có hành vi liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn T trong vụ án này).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại điều tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc bồi thường cho bà Châu Tuyết Ph (nếu có) sẽ giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; ông Lê Phê Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Văn phòng công chứng C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh

Trần Xuân Minh

Trần Thị Thu Thủy